| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 202/2022/DS - PT
Ngày: 13/9/2022
*V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế và huỷ quyết định cá biệt."*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Vũ Thanh Liêm**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Trương Minh Tuấn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Phương Mai,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế và huỷ quyết định cá biệt"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2127/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Bà Lê Trịnh Kim N1 - sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thị Xuân P; luật sư, Công ty luật TNHH MTV K – Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: 71 đường TT, phường H2, quận T2, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lâm Thị Th1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện H1, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện H1, thôn D, xã H3, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

*Người đại diện uỷ quyền:* bà Nguyễn Thái Ngọc Tr, sinh năm 1997; Địa chỉ: K93/4 đường T3, phường B1, quận H4, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

+ Bà Lâm Thị M, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu L, Chung cư T4, tổ 40, phường H5, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

+ Ông Lâm Trần H6, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm Văn D.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ông Lâm Văn S trình bày:***

Cha mẹ tôi là cụ ông Lâm Văn M1 (chết năm 1973) và cụ bà Lê Thị H6 (chết năm 1984) không để lại di chúc. Giữa các cụ có 04 người con chung, gồm: Bà Lâm Thị Th1, ông Lâm Văn D, ông Lâm Văn S và bà Lâm Thị Ph (hy sinh năm 1974, không có chồng con). Cụ M1 còn có 01 người con riêng là bà Lâm Thị M. Ngoài những người con nêu trên thì các cụ không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ các cụ đều đã chết.

Khi còn sống các cụ có tạo lập được nhà, đất tại thửa đất số 905, tờ bản đồ số 4 (hiện là thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8) tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Vào thời điểm năm 1984, cụ H6 già yếu nên toàn bộ đất đai của các cụ để lại ông Lâm Văn D đứng ra kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP của Chính phủ. Đến ngày 22/7/1994, ông D được Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823984.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã H tiến hành hòa giải thì ông D xác định thửa đất 177, diện tích 2810m$^2$ thống nhất chia cho tôi với diện tích đất l000 m$^2$. Như vậy, về chứng cứ đã thể hiện rằng mặc dù ông D kê khai toàn bộ phần diện tích đất này là của cha mẹ nhưng ông vẫn thống

nhất chia cho tôi là đã khẳng định đất này của cha mẹ nên ông D mới đồng ý chia cho tôi.

Ngoài ra, hiện nay tôi đang sinh sống và có nhà cửa trên phần diện tích đất này. Địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng ông D không thống nhất để giao giấy tờ cho tôi làm thủ tục cắt đất. Hiện nay vợ chồng ông D, bà Th2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay tôi đề nghị công nhận phần diện tích đất là 2810 $m^2$ nhưng qua đo đạc thực tế có diện tích là 2954,3$m^2$ tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 để lại. Đề nghị chia theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho các đồng thừa kế của cụ M1 và cụ H6. Tôi xin nhận hiện vật là một phần quyền sử dụng đất và đề nghị hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823984 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp ngày 22/7/1994 đứng tên ông Lâm D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp ngày 21/4/2011 có thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Lâm Văn D1 và bà Trần Thị Th2.

Hiện trên thửa đất đang tranh chấp có 02 ngôi nhà gồm 01 ngôi nhà của tôi và 01 ngôi nhà của vợ chồng ông D.

***Bị đơn ông Lâm Văn D trình bày tại đơn phúc đáp ngày 10/11/2020 có tại hồ sơ vụ án***

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 do Uỷ ban nhân dân huyện H1 cấp ngày 21/4/2011, chúng tôi gồm Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2 là chủ sở hữu hợp pháp nhà, đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng với tổng diện tích là 2944$m^2$.

Ông Lâm Văn S đề nghị Tòa án công nhận phần diện tích đất 2810 $m^2$ tại thửa đất số 905, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8) tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 là không đúng với lý do:

- Trước khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596, thửa đất chúng tôi kê khai theo theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất 905, tờ bản đồ số 4.

- Căn cứ hồ sơ sao lục: Nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của chúng tôi là tự khai phá sử dụng đất từ năm 1976, không phải là di sản thừa kế của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lâm Văn D là bà Lê Trịnh Kim N1 trình bày:***

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp ngày 21/4/2011 đứng tên ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2 tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng đối với thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, có diện tích 2944m$^2$ mà ông Lâm Văn S khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 là không đúng. Nguồn gốc thửa đất này là do ông Lâm Văn D khai hoang, sử dụng từ năm 1976 và được kê khai theo Chỉ thị 299/TTg có thửa đất số 905, tờ bản đồ số 4 và được Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 823984 ngày 22/7/1994 đứng tên ông Lâm D1, sau đó cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 do Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp ngày 21/4/2011 đứng tên ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2.

Do đó, việc ông S cho rằng đó là di sản của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 để lại và có yêu cầu chia thừa kế là không đúng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th2 có lời trình bày giống với lời trình bày của bị đơn ông Lâm Văn D.*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Th1 trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Văn S về yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ là cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 để lại đối với diện tích đất 2954,3m$^2$ tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng và đề nghị chia theo pháp luật. Nếu chia thừa kế thì phần tôi được hưởng giao lại cho ông Lâm Văn D, chỉ mong Tòa án chấp thuận chia cho ông Lâm Văn S một phần diện tích đất để tạo điều kiện cho ông S được hưởng già cuối đời, ông S hiện nay không có vợ và gia đình.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị M trình bày:*

Tôi (M) là con riêng của ông Lâm Văn M1. Về hàng thừa kế, cha tôi có mình tôi là con riêng. Cha tôi và cụ Lê Thị H6 có 03 người con gồm: Bà Lâm Thị Th1, ông Lâm Văn D, ông Lâm Văn S.

Trước khi chết, cha tôi cùng với cụ H6 có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 3165m$^2$ tại thửa đất số 905, tờ bản đồ số 4 tại thôn N, xã H, huyện H1,

thành phố Đà Nẵng. Sau khi cha tôi chết, cụ H6 vẫn ở tại đất này và ở cùng với ông Lâm Văn D. Thời điểm kê khai theo các Chỉ thị mà Nhà nước yêu cầu thì do cha tôi chết, cụ H6 già yếu nên ông D thay mặt kê khai toàn bộ thửa đất nêu trên.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tôi xin có ý kiến như sau: Mặc dù ông Lâm Văn D là người kê khai nhưng thực chất nguồn gốc đất này là của cha tôi là cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 tạo lập nên. Do vậy, di sản này phải được chia cho các hàng thừa kế của cha tôi và cụ H6 theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay tôi đã có gia đình riêng, cuộc sống ổn định nên tôi từ chối không nhận di sản và đề nghị chia di sản này cho các người con của cụ M1 theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 22/3/2022 và tại phiên toà sơ thẩm, bà Lâm Thị M xác định do không có giấy tờ gì để chứng minh bà là con riêng của ông Lâm Văn M1 nên bà từ chối tham gia tố tụng và không nhận phần di sản của ông Lâm Văn M1.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Trần H6 trình bày:*

Từ khi sinh ra đến nay tôi ở cùng với cha mẹ tôi là ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2 tại ngôi nhà trên mảnh đất của cha mẹ tôi (thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8 thuộc tổ 01, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng). Năm 2007, tôi bắt đầu có công việc làm ổn định, tự nuôi sống bản thân và có điều kiện tích góp tiền bạc.

Quá trình sinh sống và sử dụng căn nhà của cha mẹ tôi đang ở cũ kỹ, xuống cấp nên vào năm 2016, tôi bỏ ra số tiền do tôi dành dụm được khoảng 400.000.000 đồng và tôi dùng sổ đỏ của cha mẹ tôi đứng tên trên mảnh đất nhà tôi đang ở để mang đi thế chấp Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh quận Cẩm Lệ để vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, hợp đồng vay 07 năm để xây dựng mới lại hoàn toàn nhà cha mẹ tôi đang ở. Đến năm 2018, tôi lập gia đình với bà Lê Trịnh Kim N1 và mang số tiền cưới còn dư trong đám cưới đến thanh lý hợp đồng vay tại Ngân hàng.

Ngôi nhà được xây dựng theo kiểu cấp 4, kiên cố, mái ngói, tường xây gạch, tô trát vữa, trụ bê tông, sơn, nền gạch men và tổng chi phí xây dựng hoàn thiện nhà hết khoảng 800.000.000 đồng.

Về vấn đề này Tòa án giải thích và yêu cầu tôi chọn cơ quan thẩm định để tiến hành thẩm định giá căn nhà tôi đã bỏ tiền ra đầu tư xây dựng để làm thủ tục xét xử vụ án thì tôi không đồng ý. Lý do, mảnh đất nhà tôi đang ở là đất của cha mẹ tôi tự khai hoang, không có lý do gì mà Tòa án đến thẩm định căn nhà tôi và ba mẹ tôi đang ở. Tôi đề nghị bổ sung tôi và bà Lê Trịnh Kim N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Người làm chứng trình bày:*

*+ Ông Nguyễn Quang L1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Tôi sinh ra và lớn lên tại tổ 1, thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8 (trước đây là thửa đất số 905, tờ bản đồ số 4) tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc là của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6. Sau khi bà H6 chết năm 1984 thì ông Lâm Văn D kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ đến ngày 22/7/1994 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C823984 đứng tên ông Lâm D1 và đến ngày 21/4/2011 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE691596 đứng tên ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2. Tôi đề nghị Tòa án xác định thửa đất là di sản thừa kế của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

*+ Các ông Bùi Nh, Dương Quang H7, Châu Văn X, Châu Văn Nhạc, Đỗ Văn Ch trình bày giống với lời trình bày của ông Nguyễn Quang L1.*

*+ Ông Lê Văn D2 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Tôi là cậu ruột của ông Lâm Văn D và ông Lâm Văn S. Tôi xác nhận thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8 tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc là của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6. Sau khi ông M1 và bà H6 chết thì ông Lâm Văn D kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, đến ngày 22/7/1994 được cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên.

*+ Bà Lê Thị X1 trình bày tại phiên tòa sơ thẩm như sau*: Tôi là em ruột của bà Lê Thị H6. Tôi xác nhận thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8 tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng là của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6.

*+ Bà Châu Thị Năm trình bày có tại hồ sơ như sau:*

Trước năm 1975 nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6. Hiện nay ở tổ 01 thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Xác nhận gồm có 04 người con: Bà Lâm Thị Th1, ông Lâm Văn D, ông Lâm Văn S và bà Lâm Thị Ph (liệt sỹ).

*+ Ông Trần Thế Huy trình bày có tại hồ sơ như sau:*

Trước đây vợ chồng ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6 có 01 vườn do ông bà phía đàng Lê để lại. Ông Lâm Văn M1 chết trước giải phóng do bệnh tật, vợ ông là bà Lê Thị H6 thì chết sau ngày giải phóng, để lại mảnh vườn cho anh chị

em. Tôi không biết làm sao mà ông Lâm Văn D là anh ruột của ông S chiếm hết, vừa làm nhà vừa canh tác trên mảnh đất đó mà không cho em mình một ít đất để làm nhà để ở, tội nghiệp ông S bị đứt một chân, không có công ăn việc làm ổn định, lại không có vợ con, không nơi nương tựa, không nhà không cửa để ở. Hai anh em cùng cha mẹ sinh ra mà người anh chiếm hết không cho em ruột một miếng đất để làm mái nhà che mưa che nắng.

Tôi chỉ biết chừng đó nên tôi đề nghị Tòa án can thiệp để cho ông S có đất để làm nhà, kiếm vợ để ổn định cuộc sống. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

** Đối với kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 27/7/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value có tổng giá trị quyền sử dụng đất là 12.208.214.934 đồng, các đương sự thống nhất và không có ý kiến gì.*

*+ UBND huyện H1, thành phố Đà Nẵng không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn S.*

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ vào các Điều 34, 227, 228, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn S đối với bị đơn ông Lâm Văn D về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"*.

2. Công nhận thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 2954.3m$^2$ tại địa chỉ thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng có giá trị 12.208.214.934 đồng (mười hai tỉ, hai trăm lẻ tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng) là di sản thừa kế của cụ ông Lâm Văn M1 và cụ bà Lê Thị H6, được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M1 và cụ H6, gồm: ông Lâm Văn D và ông Lâm Văn S.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Th1 về việc giao tài sản được nhận do chia di sản thừa kế của của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 cho ông Lâm Văn D nhận quyền sử dụng và sở hữu.

4. Giao cho ông Lâm Văn S được nhận phần diện tích đất 984,7m$^2$ (trong đó 936,6m$^2$ đất ở và 48,1 m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác, trên diện tích đất được nhận có 01 ngôi nhà cấp 4 của ông Lâm Văn S có diện tích 42,1m$^2$). *(Có sơ đồ kèm theo).*

5. Giao cho ông Lâm Văn D được nhận phần diện tích đất 1969,6m$^2$ (trong đó 1.873,4 m$^2$ đất ở và 96,2 m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác, trên diện tích đất được nhận có 01 ngôi nhà nhà cấp 4 của vợ chồng ông Lâm Văn D có diện tích 214,6m$^2$). (Có *sơ đồ kèm theo).*

6. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

7. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 do Ủy ban nhân dân huyện H1, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/4/2011 đứng tên ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thực tế, chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/04/2022, bị đơn ông Lâm Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Lâm Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Lâm Văn D do bà Lê Trịnh Kim N1 đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Lê Trịnh Kim N1 là người đại diện theo uỷ quyền của ông Lâm Văn D cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D cho rằng, nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Lâm Văn D khai hoang và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S. Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S thì phải tính công sức 10% cho ông D trong việc giữ gìn, tôn tạo mảnh đất thừa kế; ông D sinh năm 1961 nhưng Toà án cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông D là không đúng. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Ngân và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn còn yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Nguồn gốc đất đang tranh chấp: Theo hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì ông Lâm Văn D (Lâm D1) là người kê khai đăng ký. Ngày 22.7.1994 ông Lâm D1 được UBND huyện H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C823984 và đã được UBND huyện H1 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 ngày 21.4.2011 cho ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2. Nhưng thực tế, tại biên bản giải quyết tranh chấp đất lần hai ngày 04.11.2011 của Uỷ ban nhân dân xã H gồm có 03 chị em: bà Lâm Thị Th1, ông Lâm Văn D và ông Lâm Văn S. Bà Th1, ông S đều trình bày: thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, toạ lạc tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng hiện nay ông Lâm Văn D đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cha mẹ là ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6 để lại. Ông D thống nhất chia lại cho ông S 1000m$^2$, nhưng ông S phải nói với vợ ông D một tiếng. Ý kiến này đã được bà Th1 phản đối, bà Th1 cho rằng đất là của cha mẹ để lại chứ không phải là đất của hai vợ chồng ông D mà buộc em tôi là ông S qua xin đất là không đúng. Tôi đề nghị phải chia đất cho em tôi. Ông D thống nhất chia cho ông S 1000m$^2$. Ông D còn có ý kiến: Qua phân tích của Uỷ ban và các thành viên tôi thống nhất vào ngày 07.11. 2011 tức là sáng thứ hai tôi mang bìa đỏ đến UBND xã để làm thủ tục tách thửa để chuyển giao cho ông S.

Tại hồ sơ xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lâm Văn D, bà Trần Thị Th2 thì tại Giấy xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở lập ngày 14.12.2010 của UBND xã H xác định nguồn gốc nhà ở tự xây vào năm 1976 và đã được người đại diện theo uỷ quyền của ông D cũng khai như vậy thì lúc đó ông D mới khoảng 12 tuổi (ông D sinh năm 1964).

Tại công văn số 2165/CV-QLHC ngày 22.11.2021 của Công an huyện H1 về việc trả lời đề nghị xác nhận hộ khẩu có nội dung như sau:

- Hồ sơ hộ khẩu số 20329-003796 của hộ Lê Thị H6, đăng ký thường trú tại thôn Nhơn Thọ, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng.

Tại bảng kê khai danh sách nhân khẩu của hộ Lê Thị H6, được thiết lập năm 1977, trong hộ có 04 nhân khẩu gồm; Chủ hộ bà Lê Thị H6, sinh năm 1927 và các con Lâm Thị Th1, sinh năm 1955; Lâm Văn D, sinh năm 1964; Lâm Văn S, sinh năm 1967.

- Hồ sơ hộ khẩu số 20329 – 001738 của hộ Lâm Văn D, đăng ký thường trú tại thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng.

Tại bảng kê khai danh sách nhân khẩu của hộ Lê Thị H6, do bà Lê Thị H6 khai ngày 06.6.1977, trong hộ có 04 nhân khẩu gồm: Chủ hộ bà Lê Thị H6, sinh năm 1927 và các con Lâm Thị Th1, sinh năm 1955; Lâm Văn D, sinh năm 1964; Lâm Văn S, sinh năm 1967.

Tại bảng kê khai nhân khẩu trong hộ đã đăng ký thường trú, chủ hộ Lâm Văn D được công an xã H xác nhận ngày 25.12.1999, trong hộ có 04 nhân khẩu: Chủ hộ Lâm Văn D, sinh năm 1964; vợ Trần Thị Th2, sinh năm 1962 và các con Lâm Thị Mỹ Dung, sinh năm 1985; Lâm Trần H6, sinh năm 1988.

Trên thửa đất đang tranh chấp, nguyên đơn ông Lâm Văn S đã xây 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 42,1m$^2$, theo ông S khai nhà xây dựng từ năm 1991, đã đăng ký hộ khẩu sinh sống ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Hơn nữa, tại phiên toà sơ thẩm các nhân chứng bà Lê Thị X1, ông Lê Văn D2, ông Nguyễn Quang L1, ông Đỗ Văn Ch, ông Bùi Nh, ông Dương Quang H7, Ông Châu Văn X đều khai diện tích đất đang tranh chấp là của ông Lâm Văn M1 và bà Lê Thị H6.

Phía bị đơn căn cứ lời khai của 02 nhân chứng bà Lâm Thị Th1 và ông Trịnh Văn Th3 để cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của ông Lâm Văn D thì thấy: Tại bản trình bày ngày 23.3.2022 của bà Lâm Thị Th1 thể hiện:… Đến khi cưới vợ ông M1, bà H6 dựng căn nhà 3 gian bằng gạch táp lô trên đất gia tộc … Nay tôi xác nhận thửa đất 177 là của riêng cháu D1. Đến năm 1977, sau khi ông Lâm Văn B1 chết, em Lâm Văn M2 (con ông B1) đuổi cả nhà tôi và nhà em H6 đi không cho ở vườn này…Còn em H6 sau khi đám cưới cho cháu Th1 xong mới đi xuống đó ở cùng ông D. Tại bản trình bày của ông Trịnh Văn Th3 ngày 23.3.2022 thể hiện: ông Th3 cư trú tại Đà Nẵng, trước giải phóng tôi cũng hay theo ông ngoại B1 về quê chơi. Đến năm 1976 tôi thấy anh D1 dọn ra ở riêng…, mợ H6 vẫn còn ở trên ngoại B1 nhưng vẫn qua lại nhà anh D1… đến lúc mợ mất. Tôi khẳng định thửa đất anh D1 đang ở là do anh D1 tự khai phá, không liên quan đến cậu M1, mợ H6. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24.3.2022 ông Th3 khai: về nguồn gốc đất của ai tôi không rõ. Về thời gian bà H6 và các con ở trên đất tranh chấp thì tôi không rõ.

Như vậy, mặc dầu là bà Th có lời trình bày, nhưng không phù hợp với thừa nhận của ông D và các chứng cứ đã được phân tích trên, còn lời khai của ông Th3 chưa xác định rõ ràng.

Đối với yêu cầu của phía bị đơn ông D về việc trích công sức gìn giữ, tôn tạo di sản thừa kế 10% thì thấy: Tại phiên toà sơ thẩm, phía bị đơn ông D không

có yêu cầu vấn đề này. Hơn nữa, trên diện tích đất chia thừa kế ngoài nhà ông D đang ở thì ông S cũng làm nhà ở trên đất đó, bà Lâm Thị Th1 cũng đã nhường phần thừa kế của mình cho ông D. Do đó, yêu cầu này của ông D không được chấp nhận.

Bà Lê Trịnh Kim N1 là người đại diện theo uỷ quyền của phía bị đơn ông D còn cho rằng, ông D sinh năm 1961 nhưng Toà án cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông D là không đúng thì thấy: Các chứng cứ có tại hồ sơ, trong đó có công văn của cơ quan Công an huyện H1 đều nêu rõ ông Lâm Văn D, sinh năm 1964 và ông D cũng không có đơn xin miễn án phí nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

2. Từ những chứng cứ được phân tích trên cho thấy , mặc dầu diện tích đất đang tranh chấp do ông Lâm Văn D là người kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực tế diện tích đất trên là của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 tạo dựng nên. Bản án sơ thẩm xác định là di sản thừa kế của cụ M1 và cụ H6 để lại và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn S chia cho ông Lâm Văn S một phần di sản thừa kế với diện tích đất 984,7$m^2$ , trong đó 936,6$m^2$ đất ở và 48,1$m^2$ đất trồng cây hàng năm khác và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà UBND huyện H1 đã cấp cho ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2 là có căn cứ, đúng pháp luật; không có cơ sở để huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn D cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lâm Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 34,227,228,266,267,273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 609,617,618,623,649,650,651,660,668 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn S với bị đơn ông Lâm Văn D về việc tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Công nhận thửa đất số 177, tờ bản đồ số 8, diện tích 2954,3m$^2$ tại địa chỉ thôn N, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng có giá trị 12.208.214.934 đồng là di sản thừa kế của cụ ông Lâm Văn M1 và cụ bà Lê Thị H6, được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M1 và cụ H6 gồm: bà Lâm Thị Th1, ông Lâm Văn D và ông Lâm Văn S.

- Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Th1 về việc giao tài sản được nhận do chia di sản thừa kế của cụ Lâm Văn M1 và cụ Lê Thị H6 cho ông Lâm Văn D nhận quyền sử dụng và sở hữu.

Giao cho ông Lâm Văn S được nhận phần diện tích đất 984,7m$^2$ (trong đó 936,6m$^2$ đất ở và 48,1m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác, trên diện tích đất được nhận có 01 ngôi nhà cấp 4 của ông Lâm Văn S có diện tích 42,1m$^2$) (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Giao cho ông Lâm Văn D được nhận phần diện tích đất 1.969,6 m$^2$(trong đó 1.873,4 m$^2$ đất ở và 96,2m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác, trên diện tích đất được nhận có 01 ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Lâm Văn D có diện tích 214,6m$^2$ (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 691596 của UBND huyện H1, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21.4.2011 đứng tên ông Lâm Văn D và bà Trần Thị Th2.

2. Về án phí: ông Lâm Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.139.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng ông D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004940 ngày 06.5.2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, ông D còn phải nộp 116.139.000 đồng ( Một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng).

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Vụ giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (để biết);
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thanh Liêm**